TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2025
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi;

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ái T, sinh năm 1999; nơi cư trú: số nhà C xóm E, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng;

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà C, thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ái T trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ái T và anh Trần Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến cuối năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Do giữa chị T và anh H không có tiếng nói chung, xảy ra nhiều cãi vã dẫn đến xô xát và có gây thương tích; chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian không chung sống với nhau, anh H có mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị T xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn vời anh Trần Ngọc H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H có 01 người con chung tên Trần Mạnh T1, sinh ngày 05/7/2020. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Ái T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn – anh Trần Ngọc H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thể hiện anh Trần Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại xóm B, thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ái T. Do đó, không có lời khai của anh Trần Ngọc H trong hồ sơ vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Phạm Thị Ái T cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: 02 bản sao căn cước công dân mang tên Phạm Thị Ái T và Trần Ngọc H; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao trích lục khai sinh con.

- Anh Trần Ngọc H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân tại địa phương và gia đình anh Trần Ngọc H; biên bản không tiến hành hòa giải được.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị Ái T được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu Trần Mạnh T1, sinh ngày 05/7/2020 cho chị Phạm Thị Ái T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh Trần Ngọc H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ái T phải nộp 300.000 phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng đề nghị xem xét xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Ái T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về ly hôn và nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cho nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng theo quy định khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ái T và anh Trần Ngọc H tự nguyện kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào năm 2019 theo giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 28/11/2019.

Quá trình chung sống, chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến cuối năm 2024 xuất phát từ việc vợ chồng có lời qua tiếng lại mà giữa hai người xảy ra xô xát và gây thương tích; chị T xác định xác định không còn tình cảm và cương quyết được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

Tại biên bản xác minh thể hiện: Chị T và anh H vẫn chung sống hạnh phúc với nhau cho đến thời điểm gần tết năm 2025 thì vợ chồng xảy ra cải vã, lời qua tiếng lại, chị T có lời lẽ không đúng mực với anh H nên anh H có đánh chị T. Từ lúc vợ chồng xảy ra gây gỗ với nhau cho đến nay, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Xét thấy: Từ những mâu thuẫn nhỏ trong hôn nhân mà giữa chị T, anh H có lời qua tiếng lại dẫn đến xảy ra xô xát. Theo chị T trình bày, trong thời gian không chung sống với nhau, anh H mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng chị T xác định không còn tình cảm và mong muốn giải quyết cho ly hôn. Trong quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh H vẫn vắng mặt, không tham gia làm việc cũng như hòa giải. Điều đó chứng tỏ, anh H không có thiện chí và mong muốn được Tòa án hòa giải cho vợ chồng. Cuộc sống hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm của cả hai bên nhưng đến nay chị T vẫn cương quyết ly hôn; anh H không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị T; cho thấy mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Theo đó, cần xử cho chị Phạm Thị Ái T được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

[4] Về con chung: Theo lời khai đương sự và tài liệu mà nguyên đơn cung cấp, chị T và anh H có một người con chung tên Trần Mạnh T1, sinh ngày 05/7/2020.

Xét thấy: Khi chị T có yêu cầu nuôi con chung, anh Trần Ngọc H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, chị T với anh H đều cùng sinh sống tại địa phương nên không làm ảnh hưởng đến môi trường sống, học tập của cháu H; cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần giao cho chị T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con Trần Mạnh T1, sinh ngày 05/7/2020 cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Chị Phạm Thị Ái T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ái T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị Ái T được ly hôn với anh Trần Ngọc H.

- *Về con chung:*

Giao cho chị Phạm Thị Ái T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng người con chung là Trần Mạnh T1, sinh ngày 05/7/2020 cho đến khi thành niên.

Anh Trần Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị Ái T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0001776, ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Lâm Đồng). Chị Phạm Thị Ái T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đồng Kho;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận